

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/6/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Cúc Phương

2. Ông Hồ Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T** - sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường H, thành phố Đ, tỉnh B; (*có mặt*);

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L** - sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường H, thành phố Đ, tỉnh B; (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá Tr giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn T Tr bày:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L vào ngày 07/10/2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh B, hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, ông T và bà L về chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm bất đồng. Từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L để giải phóng cho cả hai bên.

- Về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc L có 01 con chung là: cháu Phạm Quốc Tr - sinh ngày 26/9/2009. Hiện tại ông T là người

đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, khi ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L không có ý kiến trả lời Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Phạm Văn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có địa chỉ cư trú tại phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Các vấn đề khác: Quá Tr giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đối với bà L đến Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên tòa xét xử nhưng bà L không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đây là lần thứ 2 bị đơn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1 Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh B nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá Tr chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, tính tình giữa hai người không hòa hợp, từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Ông T và bà L đã sống ly thân mỗi người một nơi và không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX cần cho ông T được ly hôn với bà L là phù hợp.

2.2 Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung là: cháu Phạm Quốc Tr - sinh ngày 26/9/2009. Hiện tại ông T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Tr, khi ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T. Hiện tại ông T làm nghề giặt là thu nhập bình quân từ 6 đến 7 triệu đồng/tháng đủ điều kiện và đảm bảo cuộc sống cho cháu Tr.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện thực tế thì hiện tại ông T là người đang trực tiếp nuôi con chung là cháu Tr. Tổ trưởng tổ dân phố 11 phường Nam Thanh cho biết bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 16 (nay là tổ dân phố 11) phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Trong thời gian qua bà L đi về thất thường, ít có mặt tại địa phương, bà L đi làm ăn hoặc sinh sống ở đâu bà L không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Hiện tại cháu Tr đang trực tiếp ở với ông T và cháu Tr cũng có nguyện vọng được ở với ông T. Do đó HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng của ông T và cháu Tr là phù hợp.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

2.1 Về hôn nhân: Ông Phạm văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2.2 Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc Tr - sinh ngày 26/9/2009 cho ông Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Ông T tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản, nợ: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2010/08228 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (ông T đã nộp án phí đầy đủ).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Him Lam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám